TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 631/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 533/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Kim P**, sinh năm 1966.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1958.

Cùng trú tại: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà **Trần Kim P** trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn A chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, nhưng bà và ông A không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, do ông A thường hay ghen tuông cớ, có lời lẽ xúc phạm đến bà. Nay, bà nhận thấy cuộc sống của vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Giữa bà và ông A có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990 và Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1999. Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Bà xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà P yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định; đồng thời bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

*Bị đơn ông **Nguyễn Văn A** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A thống nhất ý kiến trình bày của bà P. Ông đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Thống nhất ý kiến trình bày của bà P. Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Thống nhất ý kiến trình bày của bà P, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông Nguyễn Văn A yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định; đồng thời ông vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Nguyễn Văn A có nơi trú tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Trần Kim P và ông Nguyễn Văn A đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P và ông A theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau xác định bà P và ông A không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K và đồng thời, bà P và ông A cũng xác định chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn; mặc dù bà P và ông A có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký theo quy định nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay, ông bà đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân giữa bà P và ông A có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Giữa bà P và ông A có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990 và Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1999. Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Bà P và ông A xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim P về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Kim P và ông Nguyễn Văn A là vợ chồng.

Về con chung: Con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990 và Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1999, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Bà P và ông A xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Kim P đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008642 ngày 06/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang